

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26891/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2022

V
HNG
TUYN

Digitally signed by V HNG
TUYN
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=ĐNG
ĐA, CN=V HNG TUYN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
=CMND:011563153
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2022.06.14 11:37:20

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính về thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật thuế, Pháp luật về Phí, Lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TCT ngày 12/03/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng, văn phòng thuộc Cục thuế.

Căn cứ Biên bản thanh tra thuế ký ngày 03/06/2022 giữa Công ty cổ phần bao bì và in Nông nghiệp và Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 19093/QĐ-CTHN-TTKT10 ngày 29/04/2022 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội về việc kiểm tra thuế tại Công ty cổ phần bao bì và in Nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-CTHN ngày 04/01/2022 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra Kiểm tra số 10 - Cục thuế TP Hà Nội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty cổ phần bao bì và in Nông nghiệp;

Mã số thuế: 0101508664;

Địa chỉ: Số 72, đường Trường Chinh, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101508664 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/07/2004.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thành Nam

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc Công ty.

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:



- *Về Thuế TNDN*: Công ty xác định vào chi phí khi tính thuế TNDN đối với tài sản khấu hao không đúng quy định; Chi sai nguồn; Thanh toán bằng tiền mặt đối với hóa đơn từ 20 triệu đồng trở lên ... như vậy công ty thực hiện chưa đúng quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

- *Về thuế TNCN*: Công ty tính thiếu thuế TNCN từ tiền công tiền lương của người lao động; kê khai thiếu thuế TNCN từ đầu tư vốn, như vậy công ty thực hiện chưa đúng quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

- *Về thuế nhà thầu*: Công ty tính thiếu thuế nhà thầu, như vậy công ty thực hiện chưa đúng quy định Thông tư số 103/2013/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính.

3. Các tình tiết tăng nặng: Không có.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không có.

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

5.1 Nộp theo mã số thuế: 0101508664

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Cụ thể:

- Phạt tiền khai sai thuế TNDN và thuế TNCN mức 20%, số tiền: 355,426,312 đồng (*bằng chữ: Ba trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm mười hai đồng*) quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp. Trong đó:

+ Tiền phạt khai sai thuế TNDN (TM 4254): 310,816,913 đồng.

+ Tiền phạt khai sai thuế TNCN (TM 4268): 44,609,399 đồng.

- Nộp tiền chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 112,596,087 đồng (*bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng*) theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi chậm nộp tiền thuế. Trong đó:

+ Tiền chậm nộp thuế TNDN số tiền: 102,142,470 đồng - TM 4918.

+ Tiền chậm nộp thuế TNCN số tiền: 10,453,617 đồng - TM 4917.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không có.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

* Chi tiết các biện pháp:

- Nộp đủ số tiền thuế TNDN còn thiếu vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 1,554,084,564 đồng (*bằng chữ: Một tỷ, năm trăm năm mươi tư triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, năm trăm sáu mươi tư đồng*). Trong đó: Năm 2020: 677,341,981 đồng, Năm 2021: 876,742,583 đồng - TM 1052.

- Nộp đủ số tiền thuế TNCN từ tiền lương tiền công còn thiếu vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 131,246,994 đồng (*bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, hai*

trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi tư đồng). Trong đó: Năm 2020: 58,801,559 đồng, Năm 2021: 72,445,435 - TM 1001.

- Nộp đủ số tiền thuế TNCN từ đầu tư vốn còn thiếu năm 2021 vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 91,800,000 đồng (bằng chữ: Chín mươi mốt triệu, tám trăm nghìn đồng) - TM 1004.

5.2 Nộp theo mã số thuế: 0108288707 (mã số thuế nhà thầu).

a) Hình thức xử phạt chính:

Cụ thể:

- Phạt tiền khai sai thuế GTGT và thuế TNDN mức 20%, số tiền: 7,027,505 đồng (bằng chữ: Bảy triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm linh năm đồng) quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp - TM 4254.

- Nộp tiền chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 7,509,694 đồng (bằng chữ: Bảy triệu, năm trăm linh chín nghìn, sáu trăm chín mươi tư đồng) theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi chậm nộp tiền thuế - TM 4918.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

* Chi tiết các biện pháp:

- Nộp đủ số tiền thuế TNDN còn thiếu năm 2020 vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 32,301,296 đồng (bằng chữ: Ba mươi hai triệu, ba trăm linh một nghìn, hai trăm chín mươi sáu đồng) - TM 1052.

- Nộp đủ số tiền thuế GTGT còn thiếu năm 2020 vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 2,836,233 đồng (bằng chữ: Hai triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng) - TM 1701.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 30/05/2022. Yêu cầu Công ty cổ phần Bao Bì và In Nông Nghiệp tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 31/05/2022 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: 2,294,828,685 đồng (Hai tỷ, hai trăm chín mươi tư triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng).

* Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do Công ty cổ phần bao bì và in Nông nghiệp chi trả.

6. Một số nội dung xử lý khác: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày /3 tháng 6 năm 2022.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Thành Nam là đại diện cho Công ty cổ phần bao bì và in Nông nghiệp để chấp hành.

Công ty cổ phần bao bì và in Nông nghiệp phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty cổ phần bao bì và in Nông nghiệp không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần bao bì và in Nông nghiệp phải nộp tiền phạt, tiền khắc phục hậu quả vào TK 7111 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa: Cơ quan quản lý thu: Cục thuế TP Hà Nội thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Công ty cổ phần bao bì và in Nông nghiệp có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc quận nhà nước Thành phố Hà Nội để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Thanh tra kiểm tra số 6, Phòng Kế khai và kế toán thuế; Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Phòng Thanh tra kiểm tra số 10 để tổ chức thực hiện. /v

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ, VT; TTKT10(03) (714)



Viên Viết Hùng